

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 1871 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục
thành phần hồ sơ phải số hóa tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số: 130/TTTr-VP ngày 20 ..6.....tháng .. năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ 160 thủ tục hành chính phải số hóa của tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa bổ sung đính kèm theo).

Trường hợp Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa ban hành tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao các đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, triển khai thực hiện danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, đề xuất danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, gửi các Sở quản lý chuyên ngành tổng hợp chung theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

3. Giám đốc các sở, ban ngành tỉnh rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, tổng hợp đề xuất của cấp huyện để bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Văn phòng UBND tỉnh) để tổng hợp, ban hành theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp theo dõi, đôn đốc và tổng hợp bổ sung Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa của tỉnh Đồng Nai theo kết quả tổng hợp, đề xuất của các sở, ban, ngành tỉnh.

5. Giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, triển khai thực hiện danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đáp ứng yêu cầu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, KTNS, THNC, HCTC, HCC.



Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỔ HÓA

Định kèm Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I. NGANH CÔNG THƯƠNG

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
	CẤP TỈNH			
	Lĩnh vực cụm công nghiệp			
	Lĩnh vực An toàn thực phẩm			
1	1.012427	Thành lập/ mở rộng cụm công nghiệp	+ Bản sao hợp lệ tài liệu về tư cách pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; + Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: Bảo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính (nếu có); + Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).	
2	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	- Đơn đề nghị; - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	
3	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	- Đơn đề nghị; - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	

II. NGÀNH TƯ PHÁP

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ				
Lĩnh vực Hộ tịch				
4	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch	Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu; - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	
CẤP TỈNH				
Lĩnh vực Nuôi con nuôi				
5	1.003179	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng. - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh) - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam - Bản điều tra về tâm lý, gia đình - Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe - Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản - Phiếu lý lịch tư pháp - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em - Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.	
6	1.003976	Thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng		
7	1.004878	Thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với	- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh)	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam - Bản điều tra về tâm lý, gia đình - Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe - Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản - Phiếu lý lịch tư pháp - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp - Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi) 	
	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý			
8	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị tham gia trợ giúp pháp lý - Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý. 	
9	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý - Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp 	
10	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
11	2.000840	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý - Bản chính Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp 	
12	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	- Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý	
13	2.001680	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	- Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý	
14	2.001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ, tài liệu liên quan đến yêu cầu thay đổi - Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý 	
15	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	- Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý	
16	2.000587	Thủ tục cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định - Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
17	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
18	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Đơn đề nghị cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý - Các giấy tờ có liên quan - Đơn khiếu nại	
Lĩnh vực Công chứng				
19	1.000112	Bỏ nhiệm công chứng viên	- Phiếu lý lịch tư pháp - Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp - Đơn đề nghị bỏ nhiệm công chứng	
20	1.000100	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp - Phiếu lý lịch tư pháp - Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên	
21	1.000075	Thủ tục miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	- Văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên của Sở Tư pháp - Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên	
22	1.001125	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng	
23	1.001153	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	- Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng - Quyết định xoá đăng ký tập sự hành nghề công chứng của Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
24	1.001688	Thủ tục hợp nhất Văn phòng công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất - Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất - Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất - Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng 	
25	2.000766	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng - Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất - Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất - Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất - Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng 	
26	1.001665	Sáp nhập Văn phòng công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập Văn phòng công chứng - Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng - Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
27	2.000758	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Kế khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng tính đến ngày đề nghị sáp nhập. - Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên đang hành nghề tại các Văn phòng công chứng bị sáp nhập - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng 	
28	1.001647	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng - Văn bản cam kết của các công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc kế thừa toàn bộ quyền, - nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ yêu cầu công chứng đang thực hiện và hồ sơ đang được lưu trữ tại Văn phòng công chứng được chuyển nhượng - Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng, - Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên đối với công chứng viên nhận chuyển nhượng dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng - Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng - Kế khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng. 	
29	2.000743	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng - Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên - Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng 	

III. NGÀNH VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa		Ghi chú
CẤP TỈNH					
A. Lĩnh vực Thi đua Khen thưởng					
30	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu - Các tài liệu chứng minh về tri thức, kỹ năng... - Các quyết định Khen thưởng từ hình thức Giấy Khen trở lên (nếu có) 		
31	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu; - Các tài liệu chứng minh về tri thức, kỹ năng, thực hành.... - Các quyết định khen thưởng từ hình thức Giấy khen trở lên (nếu có) 		
32	1.000871	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật”	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật; - Bản sao và tóm tắt nội dung tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật; - Bản sao các quyết định tặng giải thưởng hoặc giấy chứng nhận giải thưởng; - Văn bản ủy quyền về văn học, nghệ thuật (trường hợp đồng tác giả); - Bản cam kết thỏa thuận hoặc ủy quyền đại diện (nếu có); - Các tài liệu khác có liên quan; 		
4	1.000564	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật”	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật; - Bản sao và tóm tắt nội dung tác phẩm, công trình về văn học, nghệ thuật; - Bản sao các quyết định tặng giải thưởng hoặc giấy chứng nhận giải thưởng; - Văn bản ủy quyền về văn học, nghệ thuật (trường hợp đồng tác giả); - Bản cam kết thỏa thuận hoặc ủy quyền đại diện (nếu có); - Các tài liệu khác có liên quan; 		
B. Lĩnh vực Hợp tác Quốc tế					
33	1.0006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thành lập chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; - Báo cáo kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam. 		
34	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại; - Giấy chứng nhận; 		

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam	- Giấy chứng nhận và các tài liệu có liên quan	
35	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	- Đơn đề nghị gia hạn; - Báo cáo kết quả hoạt động của chi nhánh.	

IV. NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
Lĩnh vực đường bộ			
36	1.001735	Cấp Giấy phép xe tập lái	
37	1.001751	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	
38	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	
39	1.005210	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	
40	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.	
41	1.004995	Cấp Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	
42	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
43	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	
44	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	
45	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.	
46	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ cần số hóa	Ghi chú
47	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	

V. NGÀNH NỘI VỤ

Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ phải số hóa

Ghi chú

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A. CẤP TỈNH			
I. Lĩnh vực Tôn giáo Chính phủ			
48	2.002167	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
49	1.000788	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	
50	1.000780	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	
51	1.000654	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
52	1.000638	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
53	1.000604	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
54	1.000587	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
55	1.000535	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
56	1.000517	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
57	1.000415	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
58	1.001642	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	

Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ phải số hóa

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
59	1.001640	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
60	1.001637	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
61	1.001628	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	
62	1.001626	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	
63	1.001624	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	
		II. Lĩnh vực công chức, viên chức	
64	1.005384	Thủ tục thi tuyển công chức	
65	2.002156	Thủ tục xét tuyển công chức	
66	1.005385	Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức	
67	2.002157	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	
		III. Lĩnh vực Tổ chức – Biên chế (tổ chức hành chính, ĐVSN)	
68	1.009339	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
69	1.009340	Thủ tục hành chính về thẩm định Sửa đổi vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
70	1.009352	Thủ tục hành chính về thẩm định đề án vị trí việc làm, Sửa đổi vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
71	1.009914	Thủ tục hành chính về thẩm định Sửa đổi vị trí việc làm, Sửa đổi vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
72	1.009319	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
73	1.009320	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
74	1.009321	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chi chú
75	1.009331	Thủ tục hành chính thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
76	1.009332	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
77	1.009333	Thủ tục hành chính thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
IV.	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (Quản lý nhà nước chuyên ngành)		
78	1.003503	Thủ tục công nhận Ban Văn động thành lập Hội (cấp tỉnh)	
V.	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (Quản lý Nhà nước về Hội)		
79	2.001481	Thủ tục thành lập Hội	
80	1.003960	Thủ tục phê duyệt Điều lệ Hội	
81	2.001688	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội	
82	2.001678	Thủ tục đổi tên Hội	
83	1.003918	Thủ tục Hội tự giải thể	
84	1.003900	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	
85	1.003858	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện	
VI.	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (Quản lý Nhà nước về quỹ)		
86	1.003822	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ	
87	2.001590	Thủ tục công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
88	2.001567	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
89	1.003621	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	
90	1.003916	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ	
91	1.003950	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (cấp tỉnh)	
92	1.003920	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	
93	1.003879	Thủ tục đổi tên Quỹ	
94	1.003866	Thủ tục tự giải thể quỹ	
VII.	Lĩnh vực chính quyền địa phương		
95	2.000465	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, thôn tổ dân phố	
VIII.	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước về Công tác thanh niên		

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC/ Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
96	2.001717	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
97	1.003999	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	
98	2.001683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	
B	CẤP HUYỆN		
I.	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (Quản lý Nhà nước về Hội)		
99	1.005358	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện	
100	1.005201	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	

VI. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Cấp huyện)

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
A.	CẤP HUYỆN			
I.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			
101	1.004439	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến làm giám đốc trung tâm học tập cộng đồng Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm học tập cộng đồng;	
102	1.005099	Chuyển trường đổi với học sinh tiểu học	Học bạ Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật (nếu có) Thông tin về tài liệu học tập (tại trường đang học), tiến độ thực hiện chương trình (theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT), bảng tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện và học tập của học sinh theo quy định Đơn xin chuyển trường của cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT) Đơn xin chuyển trường của cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh (theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT)	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Chí chú
103	1.005017	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	<p>Trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) đề nghị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập sau khi đã thỏa thuận với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có).</p> <p>Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực (nếu có).</p> <p>Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực.</p>	
104	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận		

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
105	1.004438	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	<p>Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</p> <p>Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với học sinh tiểu học theo Mẫu số 01, học sinh trung học cơ sở theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP).</p>	
106	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	<p>Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu)</p> <p>Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu)</p>	
107	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	<p>Bảng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp tạm thời đối với đối tượng được quy định tại khoản 17 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Giấy khai sinh và thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với đối tượng được quy định tại khoản 5, khoản 8, khoản 15 Điều 15 và điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 16</p>	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
108	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	<p>Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Kế từ năm học 2024 - 2025 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2024) đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và kế từ năm học 2025 - 2026 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2025) đối tượng quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chỉ phải nộp giấy khai sinh</p> <p>Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Giấy xác nhận hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</p> <p>Cung cấp thông tin về số định danh cá nhân của trẻ em hoặc của cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em</p> <p>Bản sao và mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp</p>	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
109	2.002594	Đề nghị đánh giá, công nhận “đơn vị học tập” cấp huyện	<p>Bản sao kèm bản chính đề đổi chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>Bản sao kèm bản chính đề đổi chiếu hoặc bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội</p> <p>Bản sao kèm theo bản chính đề đổi chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội</p> <p>Bản sao kèm theo bản chính đề đổi chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và Giấy khai sinh của trẻ em</p> <p>Báo cáo tự đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện</p> <p>Bản tổng hợp kết quả tự đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu “Đơn vị học tập” cấp huyện</p> <p>Tờ trình đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện</p>	

VII. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
I.	Lĩnh vực Môi trường			
110	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	<ol style="list-style-type: none"> Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường 	
111	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	<ol style="list-style-type: none"> Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường Báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh giấy phép môi trường 	
112	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	<ol style="list-style-type: none"> Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường 	

113	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường	
114	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1. Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường? 2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Thu tục từ phát sinh hồ sơ vì chi thực hiện vốn nhà nước ngoài ngân sách
115	1.009973	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	1. Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. 2. Quyết định phê duyệt dự án. 3. Báo cáo kết quả thẩm tra. 4. Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.	
116	1.009976	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I và cấp II	1. Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình. 2. Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phân thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiên độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phân bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.	
117	1.009977	Cấp điều chỉnh giấy phép đối với công trình cấp I và cấp II	1. Đơn đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng. 2. Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật. 3. Quyết định phê duyệt thiết kế. 4. Báo cáo kết quả thẩm tra. 5. Thông báo kết quả thẩm định thiết kế.	
118	1.009996	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III và cấp IV	1. Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình. 2. Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phân thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương	

				tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.	
119	1.009978		Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I và cấp II	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng	
120	1.009979		Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I và cấp II	1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng. 2. Bản cam kết tự chịu trách nhiệm về việc thất lạc giấy phép xây dựng.	
121	1.009999		Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III và cấp IV	1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng. 2. Bản cam kết tự chịu trách nhiệm về việc thất lạc giấy phép xây dựng.	

VIII. BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
A.	Lĩnh Vực Thương mại quốc tế	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	
122	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký	
123	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký - Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp	
124	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;	
125	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP hồ sơ 01 bộ bao gồm: + Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký;	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ		Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> + Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định 07/2016/NĐ-CP; - Trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP hồ sơ 01 bộ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP; - Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội; - Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động; - Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. 		
126	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép			
B. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam					
127	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. - Đề xuất dự án đầu tư. - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). 		
128	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. 		

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
129	1.009757	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (BQL)	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất dự án đầu tư. - Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có) - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh. - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 	
130	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh. - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 	
131	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Chỉ chú
		trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư. - Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư 	
132	1.009762	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; - Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. 	
133	1.009763	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. - Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có). - Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có). - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. - Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm. 	
134	1.009764	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư. - Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư. 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
135	1.009765	<p>UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p> <p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có) - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư. - Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có). 	
136	1.009766	<p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn. - Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn 	
137	1.009767	<p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh. - Hợp đồng hợp tác kinh doanh. - Tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của bên tham gia hợp tác kinh doanh. 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
138	1.009768	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư 	
139	1.009769	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư 	
140	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư 	
141	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Văn bản thông báo về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư.	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
142	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. - Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động dự án đầu tư 	
143	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính. 	
144	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. 	
145	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có). - Giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp. - Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó. 	
146	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành. 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành. - Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành. - Hợp đồng BCC 	
147	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn. - Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán. - Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết. - Hợp đồng BCC. 	
C.	Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, trong đó có cam kết về việc chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án đầu tư nhận được kết quả đánh giá không đạt yêu cầu; - Tài liệu về tư cách pháp nhân của nhà đầu tư; - Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: giải trình và cam kết việc đáp ứng đối với từng nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Điều 28 và Điều 35 Nghị định này; mục tiêu, quy mô, vốn, tiến độ đầu tư; nhu cầu sử dụng lao động; đất đai; đề xuất hướng ưu đãi đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động môi trường; - Các tài liệu khác 	
D.	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
149	1.009974	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo yêu cầu/ Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp phép xây dựng (theo mẫu). - 01 Bản sao hoặc tập tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (đối với trường hợp trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất) – 01 bản sao hoặc tập tin chứa bản chụp chính. 	

Stt	Mã số THHC	Tên THHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
150	1.009975	<p>Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>- 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng</p> <p>- Đơn đề nghị cấp phép xây dựng sửa chữa (theo mẫu). - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (đối với trường hợp trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất) – 01 bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính. - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng. - Các tài liệu khác.</p>	
151	1.009976	<p>Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công</p>	<p>- Đơn đề nghị cấp phép di dời công trình (theo mẫu). - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (đối với trường hợp trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất) – 01 bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính. - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư;</p>	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
		trình theo tuyên trong đô thị/Dự án).	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng. - Các tài liệu khác. 	
152	1.009977	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên trong đô thị/Dự án).	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình (theo mẫu). - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (đối với trường hợp trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất) – 01 bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính. - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng. - Các tài liệu khác. 	
153	1.009978	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng công trình (theo mẫu). - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (đối với trường hợp trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất) – 01 bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính. - 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư; 	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
154	1.009979	<p>đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p> <p>Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</p>	<p>- 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có);</p> <p>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>- Các tài liệu khác.</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng công trình (theo mẫu).</p> <p>- 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>- Hồ sơ kỹ thuật thửa đất (đối với trường hợp trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất) – 01 bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính.</p> <p>- 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án, quyết định đầu tư;</p> <p>- 01 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có);</p> <p>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>- Các tài liệu khác.</p>	
155	1.009794.	<p>Quy trình nội bộ, qui trình điện tử công tác Kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng</p>	<p>- Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công công trình hoặc hạng mục công trình, chủ đầu tư phải báo cáo thông tin công trình bằng văn bản theo mẫu đến Ban quản lý khu công nghệ cao Công nghệ sinh học theo quy định.</p> <p>- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học gửi chủ đầu tư kế hoạch thực hiện kiểm tra, kèm theo văn bản mời tổ chức hoặc cá nhân tham gia thực hiện công tác kiểm tra (nếu có).</p> <p>- Căn cứ vào kế hoạch thực hiện kiểm tra và tiến độ thi công xây dựng công trình, đến thời điểm tổ chức kiểm tra theo quy định, chủ đầu tư gửi văn bản tới cơ quan chuyên môn về xây dựng đề nghị thực hiện kiểm tra.</p>	

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc đợt kiểm tra. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học thông báo bằng văn bản gửi chủ đầu tư kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng chậm nhất 7 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra hiện trường - Tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo mẫu). - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bộ bản vẽ báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng đã được thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500; - Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; - Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; - Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đầu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200. - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. (theo mẫu). - Các tài liệu khác. - Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng/ điều chỉnh thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (theo mẫu). - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bộ bản vẽ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình xây dựng đã được thẩm tra theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500; - Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình; 	
156	1.009972	Quy trình nội bộ, quy trình điện tử thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.		
157	1.009973	Quy trình nội bộ, quy trình điện tử thẩm định thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở.		

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; - Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200. - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.(theo mẫu). - Các tài liệu khác. 	

IX. SỞ NGOẠI VỤ

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		CẤP TỈNH		
		Lĩnh vực Quản lý xuất nhập cảnh		
158	3.000242	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	<ul style="list-style-type: none"> + Bản chính văn bản đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm về nhân sự theo mẫu CV01 tại Phụ lục. + Báo cáo tổng hợp kê chi tiết các khoản thuế của doanh nghiệp, doanh nhân đã đóng vào Ngân sách nhà nước trong 12 tháng tính đến thời điểm đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC; + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực hợp đồng thương mại của doanh nghiệp ký kết trực tiếp hoặc qua giao dịch điện tử với đối tác của nền kinh tế thành viên APEC có thời hạn không quá 02 năm tính đến thời điểm đề nghị được sử dụng thẻ ABTC, kèm theo các văn bản thể hiện hợp đồng, tài liệu ký kết, hợp tác đã được thực hiện. Nếu các văn bản bằng tiếng nước ngoài phải dịch công chứng hoặc chứng thực sang tiếng Việt. Trường hợp chưa có hợp đồng thương mại thì phải có giấy tờ chứng minh nhu cầu hợp tác với đối tác của nền kinh tế thành viên APEC; + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực hộ chiếu còn giá trị sử dụng hoặc giấy tờ thể hiện nhu cầu đi lại thường xuyên, ngăn hạn để thực hiện các hoạt động ký kết, hợp tác kinh doanh với đối tác nước ngoài. Trường hợp bản sao không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu; + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực quyết định bổ nhiệm chức vụ của doanh nhân. Trường hợp bản sao không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu; 	

			<p>+ Báo cáo về tình hình chấp hành nghĩa vụ bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp trong 12 tháng gần nhất và quá trình đóng bảo hiểm xã hội của doanh nhân tình đến thời điểm đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC kèm theo tài liệu chứng minh; thời gian đóng bảo hiểm xã hội của doanh nhân với chức vụ đề nghị cấp thẻ tới thiếu là 12 tháng. Trường hợp không còn trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì trong báo cáo nêu rõ lý do và có tài liệu chứng minh kèm theo. Trường hợp doanh nhân không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì phải nộp văn bản xác nhận của doanh nghiệp;</p> <p>+ Báo cáo quyết toán tài chính trong năm gần nhất của doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>+ Văn bản của UBND tỉnh gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an đề nghị cấp thẻ đi lại của doanh nhân APEC (thẻ ABTC).</p>	
--	--	--	--	--

X. LĨNH VỰC DÂN TỘC (Bổ sung thành phần hồ sơ phải số hóa theo đề xuất của Ban Dân tộc và UBND cấp huyện)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
159	1.012222	Công nhận người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số	1. Biên bản hội nghị dân cư thôn (ấp/ khu phố) đề cử người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số (Mẫu 01 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)2. Biên bản liên tịch thôn (ấp/ khu phố) bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số (Mẫu 02 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)3. Biên bản kiểm tra kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm (Mẫu 03 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)4. Tổng hợp danh sách bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số năm (Mẫu 04 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)5. Quyết định, Danh sách công nhận người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số (Mẫu 08 – Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)	
160	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong dòng họ	1. Đơn đề nghị rút khỏi danh sách người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số (Mẫu 05 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)2. Biên bản họp liên tịch thôn (ấp/ khu phố) bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số (Mẫu 02 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)3. Biên bản họp liên tịch thôn (ấp/ khu phố) đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong dòng họ dân tộc thiểu số năm (Mẫu 06 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)4. Biên bản kết quả kiểm tra kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm (Mẫu 03 – Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)5.	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa	Ghi chú
		bảo dân tộc thiểu số	<p>Biên bản kiểm tra đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm (Mẫu 07-Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)</p> <p>6. Tổng hợp danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Mẫu 09-Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) 7. Quyết định, Danh sách đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Mẫu 10-Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)</p>	